

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~179~~ /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức,
viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia,

Thực hiện Thông báo số..... ngày tháng năm 2026 của Thành ủy về ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 23/TTr-VP ngày 06/7/2026, Báo cáo thẩm định số 263/BC-STP ngày 06/7/2026 của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:



I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Điểm b khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương;...*”;

- Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “*Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*”.

- Nghị quyết số 202/NQ-QH ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

- Điểm e khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 11; điểm h khoản 1 Điều 38 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025): Người làm việc tại Bộ phận Một cửa được “*nhận lương, phụ cấp, bồi dưỡng và chế độ, chính sách (nếu có) tại cơ quan đã cử đến Bộ phận Một cửa*” (điểm d khoản 3 Điều 11) và có trách nhiệm “*mặc đồng phục... trong quá trình thực thi nhiệm vụ*” (điểm e khoản 2 Điều 11); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ “*kịp thời có giải pháp động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã....*”

2. Cơ sở thực tiễn

- Ngày 11/12/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã thông qua Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND quy định chính sách đặc thù hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/người/tháng;

Cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/tháng;

Cấp xã: 580.000 đồng/người/tháng.

Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh Hải Dương đã thực hiện chi trả 100% các đối tượng theo quy định. Từ ngày 01/7/2025, sau khi hoàn thành việc

hợp nhất hai địa phương và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ) tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đến hết tháng 12/2025 theo nguồn dự toán kinh phí năm 2025 đã cấp cho đơn vị. Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố được thành lập mới và 50 xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND.

Trong giai đoạn sau ngày 01/7/2025 đến nay, để góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã, các tỉnh, thành phố cơ bản đã ban hành Nghị quyết đặc thù quy định về chính sách hỗ trợ hàng tháng và hỗ trợ trang phục hàng năm. Trong đó, Hà Nội đang là địa phương dẫn đầu cả nước với mức hỗ trợ hàng tháng là 5.000.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ trang phục là 5.000.000/người/năm. Thành phố Hà Nội áp dụng mức chi như trên từ tháng 5/2025 đến nay và đồng đều cho cả cấp tỉnh và cấp xã. Mức kinh phí hỗ trợ đồng phục cho cán bộ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã hiện nay đang được các địa phương khác quy định ở mức từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/người/năm. Tuy nhiên, Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) chưa có quy định về nội dung này.

(Chi tiết mức chi của một số địa phương tại Phụ lục I kèm theo)

- Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 277/UBND-NC ngày 10/02/2026 về việc triển khai thực hiện Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác tư pháp năm 2025, trong đó yêu cầu các sở, ban, ngành thành phố chủ động phân bổ hợp lý thời gian trình văn bản, tránh dồn việc vào một thời điểm, ảnh hưởng đến chất lượng văn bản, hoàn thành việc tham mưu, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của thành phố chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026; hoàn thành việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trước sáp nhập và tỉnh Hải Dương trước sáp nhập đã ban hành, áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố trước ngày 01/3/2027. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, trên cơ sở thống nhất của các cơ quan liên quan, ngày 22/4/2026, Sở Tư pháp có Văn bản số 1789/STP-XDVB chính thức chuyển nhiệm vụ theo dõi Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND từ lĩnh vực quản lý của Sở Nội vụ sang lĩnh vực quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Do vậy, nội dung Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND đến nay cơ bản không còn phù hợp tình hình thực tiễn của thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất hai địa phương. Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật của thành phố, sau khi rà soát, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành

phổ trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND để thực hiện thống nhất trên toàn thành phố là phù hợp và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Xây dựng cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật về chế độ, chính sách.
- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.
- Kịp thời khuyến khích, động viên tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Thực hiện đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025, Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ) và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.
- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, trình tự thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; xây dựng nghị quyết trên cơ sở điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của nhà nước về chế độ chính sách đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, ngày 29/5/2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 6164/VP-TTPVHCC gửi các cơ quan chuyên môn liên quan (Tur pháp, Tài chính, Nội vụ) xin ý kiến đối với dự thảo Tờ trình đăng ký xây dựng Nghị quyết.

Ngày 30/5/2026, Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến tại Văn bản số 2452/STP-XDVB, trong đó xác định việc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (thay thế Nghị

quyết số 33/2024/NQ-HĐND) là có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến tham gia, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 6556/VP-TTPVHCC ngày 05/6/2026 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết.

3. Ngày 10/6/2026, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Tờ trình số 134/TTr-UBND trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đã có Quyết định số 38/QĐ-TTHĐND ngày 25/6/2026 chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Ngày 26/6/2026, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 7758/VP-TTPVHCC giao Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết đảm bảo nội dung, tiến độ, trình tự và thủ tục, trình Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định pháp luật.

6. Ngày 26/6/2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 7759/VP-TTPVHCC gửi xin ý kiến các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu về hồ sơ dự thảo Nghị quyết; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 271/QĐ-VP về việc thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, gồm:

- Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*mẫu số 02, phụ lục IV, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*);

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*mẫu số 17, phụ lục III, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*);

- Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*mẫu số 12, phụ lục IV, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*).

7. Đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức: (i) gửi xin ý kiến các Sở, ngành, địa phương tham gia dự thảo Nghị quyết; (ii) gửi đề nghị phản biện xã hội tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; (iii) Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của thành phố trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến theo quy định.

Tiếp thu 134 ý kiến tham gia của 114 Sở, ban, ngành, địa phương (trong đó có Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ), trong đó có 84 ý kiến thống nhất, 50 ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung, ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các ý kiến tham gia trên Cổng thông tin điện tử thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉnh sửa, bổ sung vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết; hoàn thiện bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết (*mẫu số 10, phụ lục IV, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*).

Sau khi tiếp thu, chỉnh lý theo các ý kiến tham gia, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, đăng trên Cổng thông tin điện tử Văn phòng tại đường link: <https://vanphong.haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/ban-tong-hop-y-kien-tiep-thu-giai-trinh-y-kien-gop-y-phan-bien-xa-hoi-doi-voi-du-thao-ngghi-quyet-927075>.

8. Ngày 06/7/2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 8227/VP-TTPVHCC gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết; Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 263/BC-STP ngày 06/7/2026, trong đó nêu: Hồ sơ dự thảo do Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì soạn thảo đủ điều kiện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét.

9. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, có Tờ trình số 23/TTr-VP ngày 06/7/2026 trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 06 Điều, gồm:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2: Đối tượng áp dụng.

Điều 3: Điều kiện và chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố.

Điều 4: Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 5: Tổ chức thực hiện.

Điều 6: Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung cụ thể như sau:

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp (gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Đối tượng áp dụng

- Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm:

Công chức, viên chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; công chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;

Công chức thuộc biên chế của Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu; công chức thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu;

Viên chức thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

c) Chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố:

- Mức hỗ trợ hằng tháng:

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 1.200.000 đồng/người/tháng.

- Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 3.000.000 đồng/người/năm.

d) Về hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày .../7/2026 (đảm bảo theo quy định có hiệu lực 10 ngày sau khi ban hành).

- Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị quyết, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

2. Đánh giá tác động

a) Về mặt xã hội

- Việc xây dựng chế độ hỗ trợ đặc thù thông nhất đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng là giải pháp quan trọng để kịp thời động viên đội ngũ này yên tâm công tác; nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận giải quyết các thủ tục hành chính, góp phần nâng cao sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với các cơ quan Nhà nước.

- Việc quy định rõ đối tượng của Nghị quyết được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ bảo đảm quyền và lợi ích cho các đối tượng được áp dụng.

- Việc quy định rõ mức hỗ trợ bảo đảm nguyên tắc quản lý ngân sách Nhà nước và các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Việc quy định chính sách chế độ hỗ trợ đặc thù đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hải Phòng thực hiện với số kinh phí lớn ảnh hưởng đến cân đối, bố trí nguồn lực của các đơn vị, địa phương.

b) Về kinh tế

- Về phương diện kinh tế, việc đề xuất mức chi hỗ trợ thông nhất trên toàn thành phố tạo điều kiện cho đội ngũ công chức, viên chức làm việc các Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn thành phố đều được hưởng chính sách hỗ trợ thông nhất, có sự tham khảo mức chi của các địa phương khác tương đồng tại thời điểm xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Về chênh lệch kinh phí khi thực hiện đề xuất chính sách hỗ trợ đặc thù mới:

Nghị quyết 33/2024/NQ-HĐND có tổng dự toán hàng năm là **13.623.600.000 đồng** (Mười ba tỷ, sáu trăm hai ba triệu, sáu trăm nghìn đồng), chi cho **1.854 người** ở 3 cấp chính quyền thuộc tỉnh Hải Dương trước sáp nhập.

Dự thảo Nghị quyết thay thế có tổng dự toán hàng năm là **19.890.600.000** (Mười chín tỷ, tám trăm chín mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng), chi cho **1.115 người** ở 2 cấp chính quyền thuộc thành phố Hải Phòng sau sáp nhập.

(Chi tiết kinh phí hỗ trợ dự kiến đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Phụ lục II kèm theo)

Chênh lệch kinh phí khi thực hiện đề xuất chính sách hỗ trợ đặc thù mới sau khi thực hiện hợp nhất 2 địa phương và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là: **6.267.000.000 đồng** (Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

3. Về kinh phí

a) Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết:

Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn của đơn vị sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết phối hợp với Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng đối tượng áp dụng và các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết được thông qua.

- Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết sau khi Nghị quyết được thông qua theo quy định.

VI. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XEM XÉT, THÔNG QUA

Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân thành phố giữa năm 2026.

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- VP ĐDBQH&HĐND TP;
- Các Sở: TC, TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, TH, NC, TC, HCQT;
- Lưu: VT, P.T.Dương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI BỘ PHẬN
MỘT CỦA CÁC CẤP CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Tờ trình số ~~179~~ /TTr-UBND ngày ~~06~~ / ~~7~~/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Đơn vị	Nghị quyết quy định	Thời gian thực hiện	Mức hỗ trợ hàng tháng		Mức hỗ trợ trang phục hàng năm	Ghi chú
				Cấp tỉnh	Cấp xã		
1	Tỉnh Hải Dương (trước sáp nhập)	Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	01/01/2025	1.200.000	580.000		
2	TP. Hà Nội	Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025	05/01/2025	5.000.000	5.000.000	5.000.000	
3	TP. Hồ Chí Minh	Nghị quyết số 502/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	01/01/2026	2.000.000	2.000.000	5.000.000	Nghị quyết này áp dụng Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương
4	Tỉnh Hưng Yên	Nghị quyết số 770/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025	01/01/2026	1.700.000	1.700.000	3.000.000	Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 333/2020/NQ-HĐND ngày 01/12/2020 của HĐND tỉnh Hưng Yên (cũ) và Nghị

							quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Thái Bình (cũ)
5	Tỉnh Lai Châu	Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 26/09/2025	15/10/2025	1.000.000	700.000	3.000.000	Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của HĐND Tỉnh Lai Châu
6	Tỉnh Bắc Ninh	Nghị quyết số 94/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	01/01/2026	2.000.000	1.000.000	Hỗ trợ đồng phục theo Thông tư số 03/2016/TT-TTCP	Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 215/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh Bắc Ninh
7	TP. Huế	Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025	01/04/2026	1.500.000	800.000	2.000.000	Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế
8	Tỉnh Đồng Nai	Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	12/10/2025	1.760.000	1.760.000	4.000.000	Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 của HĐND tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND

							ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước
9	Tỉnh Ninh Bình	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/09/2025	10/01/2025	2.000.000	600.000	Quần áo thu đông: 3.000.000 đồng/bộ, 02 năm được cấp 01 bộ/người, năm đầu được cấp 02 bộ/người; Quần áo xuân hè: 1.500.000 đồng/bộ, 01 năm được cấp 01 bộ/người, năm đầu được cấp 02 bộ/người.	Nghị quyết này áp dụng 1 phần của Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình
10	Tỉnh Khánh Hòa	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/01/2026	16/01/2026	1.800.000	1.200.000	4.000.000	Nghị quyết này áp dụng Áp dụng thống nhất Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của

							Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
11	Tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết số 18/2016/NQ- HĐND ngày 27/07/2016	08/08/2016	2.000.000	2.000.000	3.000.000	
12	Tỉnh Quảng Ngãi	Nghị quyết số 35/2022/NQ- HĐND ngày 07/12/2022	17/12/2022	1.600.000	800.000		

Phụ lục II
KINH PHÍ HỖ TRỢ DỰ KIẾN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
LÀM VIỆC TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Tờ trình số 179 /TTr-UBND ngày 06 / 7 /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI 02 CẤP CHÍNH QUYỀN HÀNG NĂM

TP. Hải Phòng	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng	Kinh phí hỗ trợ hàng năm	Kinh phí hỗ trợ trang phục	Tổng kinh phí thực hiện hàng năm
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3+4</i>
Tổng cộng	1.378.800.000	16.545.600.000	3.345.000.000	19.890.600.000
Cấp tỉnh	102.000.000	1.224.000.000	153.000.000	1.377.000.000
Cấp xã	1.276.800.000	15.321.600.000	3.192.000.000	18.513.600.000

B. TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI 02 CẤP CHÍNH QUYỀN NĂM 2026

TP. Hải Phòng	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng	Kinh phí hỗ trợ năm 2026 (06 tháng)	Kinh phí hỗ trợ trang phục	Tổng kinh phí thực hiện năm 2026 (06 tháng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3+4</i>
Tổng cộng	1.378.800.000	8.272.800.000	3.345.000.000	11.617.800.000
Cấp tỉnh	102.000.000	612.000.000	153.000.000	765.000.000
Cấp xã	1.276.800.000	7.660.800.000	3.192.000.000	10.852.800.000

C. TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ¹

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng CC/VC có Quyết định cử đến làm việc thường xuyên tại TTPVHCC TP (2 địa điểm)			Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng/tháng)	Kinh phí hỗ trợ/tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ/năm (đồng)	Mức hỗ trợ trang phục (đồng/năm)	Kinh phí hỗ trợ trang phục (đồng)	Tổng kinh phí thực hiện hàng năm (đồng)
		Công chức	Viên chức	Tổng cộng						
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=1+2$	<i>4</i>	$5=3*4$	$6=5*12 \text{ tháng}$	<i>7</i>	$8=3*7$	$9=6+8$
TỔNG CỘNG		39	12	51	2.000.000	102.000.000	1.224.000.000	3.000.000	153.000.000	1.377.000.000
1	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	8	9	17	2.000.000	34.000.000	408.000.000	3.000.000	51.000.000	459.000.000
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	2	0	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000
3	Sở Công Thương	4	0	4	2.000.000	8.000.000	96.000.000	3.000.000	12.000.000	108.000.000
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	0	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000
5	Sở Khoa học và Công nghệ	2	0	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000
6	Sở Ngoại vụ	1	0	1	2.000.000	2.000.000	24.000.000	3.000.000	3.000.000	27.000.000

¹ Không tính công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo chế độ kiêm nhiệm hoặc dự phòng

7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4	2	6	2.000.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	18.000.000	162.000.000
8	Sở Nội vụ	2	0	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000
9	Sở Tài chính	5	0	5	2.000.000	10.000.000	120.000.000	3.000.000	15.000.000	135.000.000
10	Sở Tư pháp	1	1	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2	0	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000
12	Sở Xây dựng	4	0	4	2.000.000	8.000.000	96.000.000	3.000.000	12.000.000	108.000.000
13	Sở Y tế	2	0	2	2.000.000	4.000.000	48.000.000	3.000.000	6.000.000	54.000.000

D. TỔNG KINH PHÍ ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ²

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng CC/VC có Quyết định cử đến làm việc thường xuyên tại TTPVHCC cấp xã			Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng/tháng)	Kinh phí hỗ trợ/tháng (đồng)	Kinh phí hỗ trợ/năm (đồng)	Mức hỗ trợ trang phục (đồng/năm)	Kinh phí hỗ trợ trang phục (đồng)	Tổng kinh phí thực hiện hàng năm (đồng)
		Công chức	Viên chức	Tổng Cộng						
A	B	1	2	$3=1+2$	4	$5=3*4$	$6=5*12 \text{ tháng}$	7	$8=3*7$	$9=6+8$
TỔNG CỘNG		968	96	1064	1.200.000	1.276.800.000	15.321.600.000	3.000.000	3.192.000.000	18.513.600.000
1	UBND phường Ái Quốc	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000

² Không tính công chức, viên chức được cử đến làm việc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo chế độ kiêm nhiệm hoặc dự phòng

2	UBND phường An Biên	16	1	17	1.200.000	20.400.000	244.800.000	3.000.000	51.000.000	295.800.000
3	UBND phường An Dương	8	2	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
4	UBND phường An Hải	12	2	14	1.200.000	16.800.000	201.600.000	3.000.000	42.000.000	243.600.000
5	UBND xã An Hưng	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
6	UBND xã An Khánh	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
7	UBND xã An Lão	11	1	12	1.200.000	14.400.000	172.800.000	3.000.000	36.000.000	208.800.000
8	UBND phường An Phong	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
9	UBND xã An Phú	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
10	UBND xã An Quang	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
11	UBND xã An Thành	11	0	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
12	UBND xã An Trường	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
13	UBND phường Bắc An Phú	5	0	5	1.200.000	6.000.000	72.000.000	3.000.000	15.000.000	87.000.000
14	UBND xã Bắc Thanh Miện	14	2	16	1.200.000	19.200.000	230.400.000	3.000.000	48.000.000	278.400.000
15	UBND phường Bạch Đằng	10	0	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
16	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
17	UBND xã Bình Giang	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
18	UBND xã Cẩm Giang	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
19	UBND xã Cẩm Giàng	5	0	5	1.200.000	6.000.000	72.000.000	3.000.000	15.000.000	87.000.000

20	UBND Đặc khu Cát Hải	14	1	15	1.200.000	18.000.000	216.000.000	3.000.000	45.000.000	261.000.000
21	UBND xã Chân Hưng	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
22	UBND phường Chí Linh	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
23	UBND xã Chí Minh	11	0	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
24	UBND phường Chu Văn An	11	1	12	1.200.000	14.400.000	172.800.000	3.000.000	36.000.000	208.800.000
25	UBND xã Đại Sơn	5	1	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
26	UBND phường Đồ Sơn	12	1	13	1.200.000	15.600.000	187.200.000	3.000.000	39.000.000	226.200.000
27	UBND phường Đông Hải	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
28	UBND xã Đường An	11	1	12	1.200.000	14.400.000	172.800.000	3.000.000	36.000.000	208.800.000
29	UBND phường Dương Kinh	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
30	UBND xã Gia Lộc	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
31	UBND xã Gia Phúc	9	0	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
32	UBND phường Gia Viên	14	1	15	1.200.000	18.000.000	216.000.000	3.000.000	45.000.000	261.000.000
33	UBND xã Hà Bắc	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
34	UBND xã Hà Đông	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
35	UBND xã Hà Nam	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
36	UBND xã Hà Tây	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
37	UBND phường Hải An	14	1	15	1.200.000	18.000.000	216.000.000	3.000.000	45.000.000	261.000.000

38	UBND phường Hải Dương	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
39	UBND xã Hải Hưng	6	0	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
40	UBND phường Hòa Bình	14	1	15	1.200.000	18.000.000	216.000.000	3.000.000	45.000.000	261.000.000
41	UBND phường Hồng An	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
42	UBND phường Hồng Bàng	17	2	19	1.200.000	22.800.000	273.600.000	3.000.000	57.000.000	330.600.000
43	UBND xã Hồng Châu	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
44	UBND xã Hợp Tiến	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
45	UBND phường Hưng Đạo	8	6	14	1.200.000	16.800.000	201.600.000	3.000.000	42.000.000	243.600.000
46	UBND xã Hùng Thắng	5	0	5	1.200.000	6.000.000	72.000.000	3.000.000	15.000.000	87.000.000
47	UBND xã Kê Sắt	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
48	UBND xã Khúc Thừa Dụ	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
49	UBND phường Kiến An	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
50	UBND xã Kiến Hải	6	0	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
51	UBND xã Kiến Hưng	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
52	UBND xã Kiến Minh	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
53	UBND xã Kiến Thụy	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
54	UBND xã Kim Thành	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000

55	UBND phường Kinh Môn	7	2	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
56	UBND xã Lạc Phượng	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
57	UBND xã Lai Khê	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
58	UBND phường Lê Chân	19	1	20	1.200.000	24.000.000	288.000.000	3.000.000	60.000.000	348.000.000
59	UBND phường Lê Đại Hành	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
60	UBND phường Lê Ích Mộc	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
61	UBND phường Lê Thanh Nghị	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
62	UBND phường Lưu Kiếm	15	0	15	1.200.000	18.000.000	216.000.000	3.000.000	45.000.000	261.000.000
63	UBND xã Mao Điền	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
64	UBND xã Nam An Phụ	6	0	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
65	UBND phường Nam Đồ Sơn	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
66	UBND phường Nam Đồng	6	0	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
67	UBND xã Nam Sách	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
68	UBND xã Nam Thanh Miện	9	0	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
69	UBND phường Nam Triệu	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000

70	UBND xã Nghi Dương	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
71	UBND phường Ngô Quyền	13	0	13	1.200.000	15.600.000	187.200.000	3.000.000	39.000.000	226.200.000
72	UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
73	UBND phường Nguyễn Đại Năng	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
74	UBND xã Nguyễn Giáp	5	0	5	1.200.000	6.000.000	72.000.000	3.000.000	15.000.000	87.000.000
75	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
76	UBND phường Nguyễn Trãi	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
77	UBND phường Nhị Chiểu	16	0	16	1.200.000	19.200.000	230.400.000	3.000.000	48.000.000	278.400.000
78	UBND xã Ninh Giang	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
79	UBND phường Phạm Sư Mạnh	5	4	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
80	UBND phường Phù Liễn	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
81	UBND xã Phú Thái	10	0	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
82	UBND xã Quyết Thắng	4	0	4	1.200.000	4.800.000	57.600.000	3.000.000	12.000.000	69.600.000
83	UBND xã Tân An	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000

84	UBND phường Tân Hưng	4	0	4	1.200.000	4.800.000	57.600.000	3.000.000	12.000.000	69.600.000
85	UBND xã Tân Kỳ	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
86	UBND xã Tân Minh	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
87	UBND phường Thạch Khê	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
88	UBND xã Thái Tân	5	1	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
89	UBND phường Thành Đông	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
90	UBND xã Thanh Hà	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
91	UBND xã Thanh Miện	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
92	UBND phường Thiên Hương	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
93	UBND xã Thượng Hồng	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
94	UBND phường Thủy Nguyên	19	2	21	1.200.000	25.200.000	302.400.000	3.000.000	63.000.000	365.400.000
95	UBND xã Tiên Lãng	10	1	11	1.200.000	13.200.000	158.400.000	3.000.000	33.000.000	191.400.000
96	UBND xã Tiên Minh	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
97	UBND phường Trần Hưng Đạo	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
98	UBND phường Trần Liễu	5	1	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
99	UBND phường Trần Nhân Tông	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000

100	UBND xã Trần Phú	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
101	UBND xã Trường Tân	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
102	UBND xã Tứ Kỳ	8	0	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
103	UBND phường Tứ Minh	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
104	UBND xã Tuệ Tĩnh	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
105	UBND phường Việt Hòa	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
106	UBND xã Việt Khê	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
107	UBND xã Vĩnh Am	9	1	10	1.200.000	12.000.000	144.000.000	3.000.000	30.000.000	174.000.000
108	UBND xã Vĩnh Bảo	7	0	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
109	UBND xã Vĩnh Hải	6	1	7	1.200.000	8.400.000	100.800.000	3.000.000	21.000.000	121.800.000
110	UBND xã Vĩnh Hòa	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000
111	UBND xã Vĩnh Lại	7	1	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
112	UBND xã Vĩnh Thịnh	5	1	6	1.200.000	7.200.000	86.400.000	3.000.000	18.000.000	104.400.000
113	UBND xã Vĩnh Thuận	6	2	8	1.200.000	9.600.000	115.200.000	3.000.000	24.000.000	139.200.000
114	UBND xã Yết Kiêu	8	1	9	1.200.000	10.800.000	129.600.000	3.000.000	27.000.000	156.600.000

Số: /2026/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc
tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-BPC ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp (gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công

thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm:

a) Công chức, viên chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố; công chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

b) Công chức thuộc biên chế của Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu (cấp xã); công chức thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

c) Viên chức thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố: Danh sách công chức, viên chức được hỗ trợ theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh sách nhân sự hoặc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

b) Đối với công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: Danh sách công chức, viên chức được hỗ trợ theo Quyết định của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã về việc phê duyệt danh sách nhân sự hoặc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

2. Mức hỗ trợ hằng tháng:

a) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: 1.200.000 đồng/người/tháng.

3. Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 3.000.000 đồng/người/năm.

4. Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn của đơn vị sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế - Bộ TC, Bộ NN&MT;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Công báo TP, Cổng TTĐTTP;
- Báo và PTTH HP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN
XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA
CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-TTHĐND ngày 25/6/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 7758/VP-TTPVHCC ngày 26/6/2026 thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố Hoàng Minh Cường về việc giao Văn phòng UBND thành phố hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng,

Văn phòng UBND thành phố đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng và lấy ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành, địa phương, cụ thể như sau:

1. Ngày 26/6/2026, Văn phòng UBND thành phố có Công văn số 7759/VP-TTPVHCC ngày 26/6/2026 gửi các địa phương, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị về việc đăng tải, tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, trong đó:

(1) Gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố để thực hiện phản biện xã hội;

(2) Gửi các Sở, ngành, địa phương tham gia ý kiến:

- Gửi Sở Tài chính tham gia ý kiến về nguồn tài chính;
- Gửi Sở Nội vụ tham gia ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực;
- Gửi Sở Tư pháp tham gia ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật;
- Gửi Sở Khoa học và Công nghệ tham gia ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy pháp triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

(3) Gửi Cổng thông tin điện tử thành phố để đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử thành phố tại mục xin ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, tại đường link: <https://haiphong.gov.vn/?pageid=36291&vbid=1048&title=du-thao-nghi-quyet-quy-dinh-chinh-sach-ho-tro-doi-voi-cong-chuc-vien-chuc-lam-viec-tai-bo-phan-m>

2. Đến hết ngày 06/7/2026, Văn phòng UBND thành phố đã nhận được tổng số 134 ý kiến của 114 đơn vị tham gia góp ý, phản biện xã hội của các địa phương, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân (trong đó 84 ý kiến thống nhất, 50 ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố có Công văn số 911/MTTQ-BTT ngày 01/7/2026, trong đó cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết, tham gia một số ý kiến hoàn thiện dự thảo.

(2) Các Sở, ngành, địa phương:

- Sở Tài chính có Công văn số 6161/STC-TCHCSN ngày 30/6/2026 nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết về nguồn tài chính; tham gia ý kiến về kỹ thuật soạn thảo văn bản trong dự thảo Tờ trình của UBND thành phố.

- Sở Nội vụ có Công văn số 3829/SNV-CCVC ngày 03/7/2026 nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết; tham gia ý kiến về kỹ thuật soạn thảo văn bản trong dự thảo Tờ trình của UBND thành phố.

- Sở Tư pháp có Công văn số 3214/STP-XDVB ngày 06/7/2026 tham gia ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung.

- Sở Khoa học và Công nghệ có Công văn số 2753/SKHCN-VP ngày 30/6/2026 nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết; tham gia ý kiến về kỹ thuật soạn thảo văn bản trong dự thảo.

(3) Trên Cổng Thông tin điện tử thành phố: Đến hết ngày 06/7/2026, không có ý kiến tham gia.

3. Kết quả tổng hợp: (Chi tiết tại Bảng tổng hợp gửi kèm theo)

Sau khi tiếp thu, chỉnh lý theo các ý kiến tham gia, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã hoàn thiện hồ sơ Dự thảo Nghị quyết, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng tại đường link:

<https://vanphong.haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/ban-tong-hop-y-kiem-tiep-thu-giai-trinh-y-kiem-gop-y-phan-bien-xa-hoi-doi-voi-du-thao-nghi-quyet-927075>

Trên đây là nội dung bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1 - Các ý kiến nhất trí

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Số và ký hiệu văn bản	Ngày ban hành
1.	Sở Công thương	3563/SCT-VP	29/06/2026
2.	Sở Giáo dục và Đào tạo	4096/SGDDT-VP	01/07/2026
3.	Sở Ngoại vụ	2008/NV-VP	02/07/2026
4.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	7946/SNNMT-VP	03/07/2026
5.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4007/SVHTTDL-VP	29/06/2026
6.	Sở Xây dựng	7123/SXD-VP	30/06/2026
7.	Sở Y tế	7220/SYT-TCHC	30/06/2026
8.	NHNN chi nhánh Khu vực 6	2281/KV6-HCNS	30/06/2026
9.	Chi cục Hải quan khu vực III	6687/HQKV3-VP	30/06/2026
10.	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	4894/BCH-TM	02/07/2026
11.	Thanh tra thành phố	1831/TTTP-VP	03/07/2026
12.	UBND phường An Hải	1468/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
13.	UBND phường An Phong	1404/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
14.	UBND phường Bắc An Phú	1030/UBND-TTPVHCC	03/07/2026
15.	UBND phường Chí Linh	1779/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
16.	UBND phường Dương Kinh	2095/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
17.	UBND phường Gia Viên	2388/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
18.	UBND phường Hòa Bình	1433/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
19.	UBND phường Hải An	3350/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
20.	UBND phường Hải Dương	1851/UBND-HCC	29/06/2026
21.	UBND phường Hồng An	1737/UBND-TTPVHCC	29/06/2026

22.	UBND phường Kiến An	2855/UBND-VHXXH	29/06/2026
23.	UBND phường Lê Chân	3437/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
24.	UBND phường Lê Thanh Nghị	1861/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
25.	UBND phường Lê Đại Hành	1646/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
26.	UBND phường Lưu Kiếm	1557/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
27.	UBND phường Nam Triệu	1321/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
28.	UBND phường Nam Đồ Sơn	1464/UBND-VHXXH	29/06/2026
29.	UBND phường Nguyễn Đại Nãi	1154/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
30.	UBND phường Ngô Quyền	2287/UBND-VHXXH	02/07/2026
31.	UBND phường Thành Đông	1554/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
32.	UBND phường Thạch Khôi	2384/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
33.	UBND phường Trần Liễu	1394/UBND-KT,HT&ĐT	29/06/2026
34.	UBND phường Tứ Minh	1499/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
35.	UBND phường Ái Quốc	2457/UBND-VP	03/07/2026
36.	UBND phường Đông Hải	2060/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
37.	UBND xã An Hưng	1211/UBND-KT	01/07/2026
38.	UBND xã An Khánh	1418/CV-UBND	30/06/2026
39.	UBND xã An Lão	1438/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
40.	UBND xã An Phú	1779/UBND-VHXXH	30/06/2026
41.	UBND xã An Quang	1192/UBND-VP	03/07/2026
42.	UBND xã An Trường	1750/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
43.	UBND xã Bình Giang	1513/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
44.	UBND xã Bắc Thanh Miện	1144/UBND-TTHCC	29/06/2026
45.	UBND xã Chí Minh	473/BC-UBND	29/06/2026

46.	UBND xã Chân Hưng	982/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
47.	UBND xã Cẩm Giang	1486/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
48.	UBND xã Cẩm Giàng	1867/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
49.	UBND xã Gia Phúc	1331/UBND-TTPVHCC	03/07/2026
50.	UBND xã Hà Bắc	6/CV-TTPVHCC	02/07/2026
51.	UBND xã Hà Nam	1435/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
52.	UBND xã Hà Đông	1363/UBND-VHXXH	29/06/2026
53.	UBND xã Hùng Thắng	1816/UBND-VHXXH	01/07/2026
54.	UBND xã Hải Hưng	2067/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
55.	UBND xã Hồng Châu	1070/UBND-VP	01/07/2026
56.	UBND xã Hợp Tiến	1542/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
57.	UBND xã Kiến Thụy	2077/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
58.	UBND xã Lai Khê	29/CV-HCC	03/07/2026
59.	UBND xã Mao Điền	1375/UBND-TTPVHCC	03/07/2026
60.	UBND xã Nam An Phú	971/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
61.	UBND xã Nam Sách	2431/UBND-VHXXH	30/06/2026
62.	UBND xã Nam Thanh Miện	1682/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
63.	UBND xã Nghi Dương	1662/UBND-TTPVHCC	26/06/2026
64.	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	1727/UBND-VHXXH	01/07/2026
65.	UBND xã Ninh Giang	1321/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
66.	UBND xã Phú Thái	1588/UBND-HCC	29/06/2026
67.	UBND xã Thanh Hà	1508/UBND-HCC	03/07/2026
68.	UBND xã Thanh Miện	1476/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
69.	UBND xã Tiên Lãng	1831/UBND-KT	30/06/2026

70.	UBND xã Tiên Minh	1122/UBND-TTPVHCC	03/07/2026
71.	UBND xã Trường Tân	1277/UBND-VHXXH	01/07/2026
72.	UBND xã Tuệ Tĩnh	1487/UBND-VHXXH	03/07/2026
73.	UBND xã Tân Minh	1251/UBND-TTPVHCC	01/07/2026
74.	UBND xã Tứ Kỳ	1409/UBND-TTPVHCC	29/06/2026
75.	UBND xã Việt Khê	1602/UBND-VHXXH	02/07/2026
76.	UBND xã Vĩnh Am	1134/UBND-TTĐVSNC	29/06/2026
77.	UBND xã Vĩnh Bảo	1648/UBND-HCC	29/06/2026
78.	UBND xã Vĩnh Hòa	1311/UBND-HCC	29/06/2026
79.	UBND xã Vĩnh Hải	1309/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
80.	UBND xã Vĩnh Lại	1351/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
81.	UBND xã Vĩnh Thuận	1527/UBND-TTPVHCC	02/07/2026
82.	UBND xã Vĩnh Thịnh	2183/UBND-TTPVHCC	30/06/2026
83.	UBND xã Yết Kiêu	1431/UBND-VHXXH	29/06/2026
84.	UBND xã Đường An	1308/UBND-VHXXH	30/06/2026

2 - Các ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung

STT	CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1.	Về tên của Dự thảo Nghị quyết	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố (Công văn số 911/MTTQ-BTT ngày 01/7/2026)	Đề xuất xem xét, sửa đổi thành “Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng”. Đồng thời, sửa nội dung tại các Điều, khoản trong dự thảo Nghị quyết “Bộ phận Một cửa các cấp hoặc thành phố, xã, phường, đặc khu” thành “Trung tâm Phục vụ hành	Bộ phận Một cửa là tên gọi chung thống nhất theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hải Dương. Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết có ghi rõ phạm vi điều chỉnh là công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa (gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công

			chính công các cấp hoặc thành phố, xã, phường, đặc khu”.	thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu). Vì vậy, trong trường hợp hồ sơ Nghị quyết cần nêu cụ thể cấp nào thì sẽ nêu rõ là Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu. Trường hợp quy định chung thì sẽ sử dụng cụm từ “Bộ phận Một cửa” để khái quát, đảm bảo viện dẫn từ các văn bản QPPL làm căn cứ.
2.	Căn cứ ban hành Dự thảo Nghị quyết	Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố (Công văn số 911/MTTQ-BTT ngày 01/7/2026)	Đề nghị xem xét sửa đổi thành: - Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. - Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	Nội dung này, cơ quan soạn thảo thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
3.		UBND phường An Biên (Công văn số 1731/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	- Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, không cần thiết đưa các căn cứ sau vào nội dung Nghị quyết : + Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vì đây là văn bản hướng dẫn về quy trình xây dựng văn bản, không phải là căn cứ pháp lý trực tiếp để xác định nội dung chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức. + Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật vì đây là Nghị định quy	Đây là căn cứ pháp lý để cơ quan soạn thảo đề xuất và tổ chức xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

			định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa về xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau khi văn bản được ban hành. Nghị định này không giao thẩm quyền, không quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa. Do đó, đây không phải là căn cứ trực tiếp về nội dung hoặc thẩm quyền để ban hành Nghị quyết	
4.	Khoản 2 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp (Công văn số /STP-XDVB ngày 06/7/2026)	Đề nghị xem xét sửa điểm a khoản 2 Điều 2 thành: <i>“Công chức, viên chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; công chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố”</i> cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
5.		UBND xã Kê Sắt (Công văn số 1261/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị sửa lỗi chính tả tại điểm a khoản 2 Điều 1: <i>“Công chức, viên chức của thuộc biên chế của Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố...”</i> thừa chữ: <i>“của”</i> .	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
6.		UBND phường An Biên (Công văn số 1731/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa cụm từ <i>“Công chức, viên chức của thuộc biên chế của Trung tâm...”</i> thành <i>“Công chức, viên chức thuộc biên chế của Trung tâm...”</i>	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
7.	Khoản 1 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp (Công văn số /STP-XDVB ngày 06/7/2026)	Điều kiện hỗ trợ bao gồm (1) có quyết định bổ nhiệm, điều động, phân công công tác; (2) thời gian và thời hạn làm việc đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, cách thiết kế như dự thảo là không rõ phải đảm bảo cả 2 điều kiện hay chỉ cần đảm bảo 1 trong 2 điều kiện là đủ. Mặt khác, cả 2 điều kiện này đều đã được quy định là điều kiện cần đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
8.	Khoản 2 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp (Công văn số /STP-XDVB ngày	<i>“Trường hợp, công chức, viên chức làm việc luân phiên tại Bộ phận Một cửa các cấp thì Thủ trưởng cơ</i>	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh lý

		06/7/2026)	quan, đơn vị cử công chức, viên chức căn cứ thời gian làm việc thực tế thực hiện thanh toán chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức đảm bảo tính phù hợp, tương ứng với các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này". Đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý và nội hàm khái niệm "làm việc luân phiên" quy định trong dự thảo. - Điểm b khoản 2 Điều 2 về chính sách hỗ trợ kinh phí may đồng phục quy định: "Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 3.000.000 đồng/người/năm. Trường hợp cơ quan, đơn vị bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa dưới 01 năm hoặc chưa hết thời hạn cử đến làm việc nhưng bố trí người khác thay thế (nghỉ hưu, điều động, luân chuyển công tác khác...) thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó quyết định mức chi hỗ trợ may đồng phục tối đa không quá mức hỗ trợ quy định tại điểm này từ nguồn kinh phí hợp pháp của cơ quan, đơn vị". Đề nghị rà soát, chỉnh lý nội dung "bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa dưới 01 năm hoặc chưa hết thời hạn cử đến làm việc nhưng bố trí người khác thay thế (nghỉ hưu, điều động, luân chuyển công tác khác...)" cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11 và khoản 8 Điều 12 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.	
9.	Điều 3 của Dự thảo Nghị quyết	UBND phường An Biên (Công văn số 1731/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, nêu rõ hơn về nguồn ngân sách thực hiện vì khái niệm "ngân sách nhà nước" rất rộng, cần xác định rõ nguồn đảm bảo kinh phí là ngân sách cấp nào để thuận lợi cho việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán; bảo đảm tính minh bạch, khả thi của chính sách.	Nội dung này sẽ được cơ quan tài chính hướng dẫn thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua
10.	Mục 2 phần IV của Dự thảo Tờ trình về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện Nghị quyết sau khi được thông qua	Sở Tài chính (Công văn số 6161/STC-TCHCSN ngày 30/6/2026)	Đề nghị sửa thành: "Về chênh lệch kinh phí khi thực hiện đề xuất chính sách hỗ trợ đặc thù mới:...Chênh lệch kinh phí khi thực hiện đề xuất chính sách hỗ trợ đặc thù mới sau khi thực hiện hợp nhất 2 địa phương và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là: 6.267.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi bảy nghìn	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa

			đồng)”. - Đề nghị rà soát, thống nhất số liệu kinh phí tại trang số 8 dự thảo Tờ trình. Hiện phần ghi bằng số là 6.267.000 đồng, trong khi phần ghi bằng chữ thể hiện "Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng", chưa bảo đảm thống nhất. Đề nghị chỉnh sửa phần ghi bằng số thành 6.267.000.000 đồng. - Đề nghị kiểm tra, đối chiếu tổng số nhân sự tại Báo cáo tổng kết. Tổng số được nêu là 2.115 người, tuy nhiên số liệu trong phụ lục và số liệu cụ thể được nêu ra mới thể hiện 1.115 người (51 người thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; 1064 người thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu) đề nghị bổ sung đầy đủ số lượng còn thiếu hoặc điều chỉnh lại tổng số cho thống nhất.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
11.		UBND phường Hưng Đạo (Công văn số 2199/UBND-TTPVHCC ngày 03/7/2026)	- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo ghi thống nhất, chính xác số tiền chênh lệch kinh phí bằng số (6.267.000 đồng) khớp với ghi phần chữ (Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tại Phần 2: “Đánh giá tác động”, Trang 8 của dự thảo Tờ trình.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
12.		Sở Nội vụ (Công văn số 3829/SNV-CCVC ngày 03/7/2026)		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
13.	Mục 2 phần IV của Dự thảo Tờ trình về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện Nghị quyết sau khi được thông qua	UBND xã Lạc Phượng (Công văn số 1654/UBND-TTPVHCC ngày 02/7/2026)	- Số lượng đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tại Dự thảo tờ trình và Phụ lục kèm theo chưa thống nhất - Báo cáo tổng kết xác định số đối tượng thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND là 1.854 người, trong khi Tờ trình xác định tổng dự toán hằng năm của Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND được tính cho 1.820 người. Đề nghị rà soát, chỉnh lý để đảm bảo thống nhất. - Dự thảo Tờ trình đang ghi “6.267.000 đồng” và phần bằng chữ là “Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng” chưa chính xác. Đề nghị sửa thành: “6.267.000.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng).” Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo kiểm tra lại số liệu gốc, xác định chính xác tổng số đối	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa

			tượng được hưởng chính sách; trên cơ sở đó, tính toán lại dự toán kinh phí và chỉnh lý thống nhất số liệu trong toàn bộ hồ sơ. Đây là nội dung ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá khả năng cân đối ngân sách và tính khả thi của chính sách.	
14.	Tại biểu D, Phụ lục I ban hành kèm Dự thảo Tờ trình	UBND xã Quyết Thắng (Công văn số 1851/UBND-TTPVHCC ngày 04/7/2026)	Đề nghị điều chỉnh số lượng công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Quyết Thắng là 8 người, gồm: - Công chức thuộc biên chế của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Quyết Thắng là: 05 người (1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc và 03 chuyên viên). - Công chức thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã Quyết Thắng được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công là: 03 người.	Số lượng người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu do các đơn vị cung cấp tại thời điểm tháng 5/2026
15.	Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp (Công văn số /STP-XDVB ngày 06/7/2026)	- Về nơi nhận: Đề nghị sửa: “<i>Các Bộ: TP, TC, NN&MT</i>” thành: “<i>Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>”; bổ sung: “<i>Sở Tư pháp</i>” (tách riêng) cho đầy đủ và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 8 phần II mục 1 phụ lục I Kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Khoản 2 Điều 5, đề nghị bỏ cụm từ “trước sáp nhập” và sửa thành: “<i>Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i>”. - Đề nghị rà soát, sửa cụm từ “hàng tháng” thành “hàng tháng” cho chính xác. - Đề nghị trình bày bố cục: Điểm a khoản 2 Điều 1, điểm a khoản 2 Điều 2 cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, theo đó: “<i>Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý; không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm</i>”.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
16.		Sở Khoa học và Công	Đề nghị nghiên cứu, biên tập lại điểm a khoản 2 Điều	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa

		nghệ (Công văn số 2753/SKHCN-VP ngày 30/6/2026)	1, điểm a khoản 2 Điều 2 phù hợp với quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật	
17.		UBND xã Nguyên Giáp (Công văn số 1575/UBND- TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ căn cứ pháp lý, kỹ thuật trình bày văn bản và các nội dung liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết
18.		UBND phường Hưng Đạo (Công văn số 2199/UBND- TTPVHCC ngày 03/7/2026)	- Đề nghị rà soát, chỉnh sửa hệ thống đánh số mục trong dự thảo Tờ trình; khắc phục tình trạng trùng lặp mục IV, thiếu mục V và mục VI, bảo đảm bố cục văn bản thống nhất, đúng quy định về thể thức văn bản hành chính. - Đề nghị rà soát lại các lỗi chính tả, cụ thể: “31/12/205” (Tại trang 3 của Dự thảo Báo cáo tổng kết); “Nghị quyết số 33/NĐ-HĐND” (Tại Trang 3 của Dự thảo Báo cáo tổng kết);....	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa
19.	Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	UBND xã Nguyên Giáp (Công văn số 1575/UBND- TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị quy định rõ phạm vi, đối tượng được hưởng chính sách để bảo đảm thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện; trường hợp có thay đổi về mô hình tổ chức hoặc vị trí việc làm thì cần có hướng dẫn cụ thể nhằm tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình áp dụng.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết
20.		UBND phường Kinh Môn (Công văn số 1500/UBND- TTPVHCC ngày 02/7/2026)	Xem xét bổ sung vào Khoản 2, Điều 1 về đối tượng “cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan ngành dọc được cử làm việc tại Trung tâm”	Công chức, viên chức các cơ quan ngành dọc không thuộc đối tượng quản lý của địa phương nên không thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố
21.		UBND xã Gia Lộc (Công văn số 1499/UBND- TTPVHCC ngày 03/7/2026)	Đề nghị quy định rõ căn cứ xác định đối tượng được hưởng, thời gian thực tế làm việc tại Bộ phận Một cửa, trường hợp kiêm nhiệm, thay thế hoặc luân chuyển để bảo đảm việc thực hiện chính sách thống nhất, công khai, minh bạch.	Đối tượng được hưởng đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ là người làm việc có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thời gian làm việc đảm bảo từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng.

22.	UBND xã Quyết Thắng (Công văn số 1851/UBND-TTPVHCC ngày 04/7/2026)	Đề nghị bổ sung thêm đối tượng “người lao động hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai làm việc tại Trung tâm”.	Nghị quyết chỉ áp dụng cho đối tượng là công chức, viên chức thuộc biên chế được giao
23.	UBND xã Kiến Hải (Công văn số 226/BC-TTPVHCC ngày 24/6/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định rõ đối tượng là: - Công chức được phân công thường xuyên thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, hỗ trợ, tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Viên chức được cử đến thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực chuyên ngành khác. - Việc quy định rõ đối tượng thụ hưởng sẽ tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện tại cơ sở.	
24.	UBND xã Lạc Phụng (Công văn số 1654/UBND-TTPVHCC ngày 02/7/2026)	Đối tượng áp dụng quy định tại dự thảo Nghị quyết chưa thống nhất với Bản so sánh, thuyết minh. *Bản so sánh, thuyết minh xác định đối tượng làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã gồm: - Công chức, viên chức thuộc biên chế của Trung tâm; - Công chức, viên chức thuộc các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được cử đến làm việc; - Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được cử đến làm việc. *Trong khi đó, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định: - Công chức thuộc biên chế của Trung tâm; - Công chức thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được cử đến làm việc; - Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được cử đến làm việc tại Trung tâm. Cách quy định này chưa làm rõ viên chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc viên chức của đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có thuộc đối tượng được hưởng chính sách hay không. Do đó, đề nghị rà soát, thống nhất đối tượng	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa

			áp dụng trong toàn bộ hồ sơ	
25.	Về tổ chức thực hiện	UBND xã Nguyên Giáp (Công văn số 1575/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị sau khi Nghị quyết được ban hành, các cơ quan chuyên môn của thành phố sớm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về: Đối tượng hưởng chính sách; Điều kiện, tiêu chí hưởng; Hồ sơ, trình tự thực hiện; Nguồn kinh phí và phương thức chi trả; Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, sau khi Nghị quyết được thông qua sẽ tham mưu UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kịp thời hướng dẫn triển khai thực hiện
26.	Về trách nhiệm thực hiện	UBND xã Gia Lộc (Công văn số 1499/UBND-TTPVHCC ngày 03/7/2026)	Hướng dẫn rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc xác nhận thời gian công tác tại Bộ phận Một cửa và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.	
27.	Về hướng dẫn thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	UBND phường Nhị Chiểu (Công văn số 1811/UBND -VP ngày 03/7/2026)	Từ ngày 01/01/2026 đến nay, UBND phường Nhị Chiểu chưa thực hiện chi trả hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Đề nghị Văn phòng UBND thành phố có văn bản hướng dẫn cụ thể để đơn vị kịp thời chi trả, nhằm khuyến khích và động viên tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.	Cơ quan soạn thảo đang trình xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương. Sau khi Nghị quyết được thông qua sẽ tham mưu UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kịp thời hướng dẫn triển khai thực hiện
28.		UBND phường Nam Đồng (Công văn số 1496/UBND-TTPVHCC ngày 02/7/2026)	Từ ngày 01/01/2026 đến nay, UBND phường Nam Đồng chưa thực hiện chi trả hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Đề nghị Văn phòng UBND thành phố có văn bản hướng dẫn cụ thể để đơn vị kịp thời chi trả, nhằm khuyến khích và động viên tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức làm việc tại Trung	

			tâm Phục vụ hành chính công theo quy định	
29.	Về mức chi chính sách hỗ trợ	UBND xã Trần Phú (Công văn số 1316/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	- Điều chỉnh mức hỗ trợ hằng tháng + Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp thành phố: từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng/người/tháng. + Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường: từ 1.200.000 đồng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Đề nghị nâng mức hỗ trợ trang phục từ 3.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng/người/năm để phù hợp với chi phí thực tế, góp phần xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, văn minh và hiện đại.	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở mức chi tại Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND đã được HĐND tỉnh Hải Dương thông qua ngày 11/12/2024 và thực hiện chi trả từ tháng 01/2025 đến hết tháng 12/2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương cũ. Mức chi đã được điều chỉnh tăng lên, bổ sung nội dung hỗ trợ trang phục hàng năm để đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng như chi phí thực tế và yêu cầu xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp của đội ngũ công chức trực tiếp phục vụ nhân dân.
30.		UBND xã Nguyên Giáp (Công văn số 1575/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị việc xác định mức hỗ trợ bảo đảm phù hợp với tính chất, khối lượng công việc, yêu cầu về trách nhiệm, áp lực công việc, thời gian làm việc, nhiệm vụ phục vụ tổ chức, công dân và doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm khả năng cân đối ngân sách của địa phương	
31.		UBND phường Hồng Bàng (Công văn số 2210/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đối với mức hỗ trợ trang phục (đồng phục), Ủy ban nhân dân phường Hồng Bàng đề nghị nghiên cứu, xem xét điều chỉnh tăng từ 3.000.000 đồng/người/năm lên 5.000.000 đồng/người/năm, trên cơ sở: - Theo mặt bằng giá hiện nay, chi phí may 01 bộ trang phục công sở bảo đảm yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và tính đồng bộ dao động từ khoảng 1.500.000 đồng đến 1.800.000 đồng/bộ. - Để đáp ứng yêu cầu về hình ảnh chuyên nghiệp, văn minh của đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa, mỗi người cần tối thiểu 03 bộ đồng phục/năm (02 bộ Xuân - Hè và 01 bộ Thu - Đông), với tổng chi phí thực tế khoảng từ 4.500.000 đồng đến 5.400.000 đồng/người/năm. - Việc nâng mức hỗ trợ trang phục lên 5.000.000 đồng/người/năm sẽ phù hợp hơn với thực tiễn, góp	

			phần xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức, viên chức Bộ phận Một cửa chuyên nghiệp, hiện đại, thân thiện, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính phục vụ.	
32.		UBND phường Chu Văn An (Công văn số 2304/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	- Điều chỉnh mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp thành phố từ 2.000.000 đồng/người/tháng lên 5.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã từ 1.200.000 đồng/người/tháng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ trang phục từ 3.000.000 đồng/người/năm lên 5.000.000 đồng/người/năm để phù hợp với chi phí thực tế và yêu cầu xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp của đội ngũ công chức trực tiếp phục vụ nhân dân.	
33.		UBND phường Phù Lễn (Công văn số 2520/UBND-TTPVHCC ngày 30/6/2026)	Đề nghị sửa mức Hỗ trợ kinh phí may đồng phục 5.000.000 đồng/người/năm; đảm bảo tính thẩm mỹ, chuyên nghiệp, nâng cao hình ảnh của đội ngũ cán bộ Phục vụ hành chính công trước người dân và doanh nghiệp - phù hợp với định hướng xây dựng nền hành chính phục vụ hiện đại.	
34.		UBND phường Trần Hưng Đạo (Công văn số 1129/UBND-TTPVHCC ngày 29/6/2026)	- Điều chỉnh mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp thành phố từ 2.000.000 đồng/người/tháng lên 5.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ hằng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã từ 1.200.000 đồng/người/tháng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ trang phục từ 3.000.000 đồng/người/năm lên 5.000.000 đồng/người/năm để phù hợp với chi phí thực tế và yêu cầu xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp của đội ngũ công chức trực tiếp phục vụ nhân dân.	

35.	UBND phường Tân An (Công văn số 1159/UBND-TTPVHCC ngày 29/6/2026)	Kiến nghị tăng mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu được quy định tại Khoản 2, Điều 2 trong dự thảo Nghị quyết từ mức 1.200.000 đồng/người/tháng lên mức 1.500.000 đồng/người/tháng.
36.	UBND xã Khúc Thừa Dụ (Công văn số 1685/UBND-TTPVHCC ngày 29/6/2026)	- Điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp thành phố từ 2.000.000 đồng/người/tháng lên 5.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã từ 1.200.000 đồng/người/tháng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ trang phục từ 3.000.000 đồng/người/năm lên 5.000.000 đồng/người/năm để phù hợp với chi phí thực tế và yêu cầu xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp của đội ngũ công chức trực tiếp phục vụ nhân dân.
37.	UBND phường Kinh Môn (Công văn số 1500/UBND-TTPVHCC ngày 02/7/2026)	Nâng mức hỗ trợ hàng tháng: - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 2.500.000 đồng/người/tháng. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 1.500.000đồng/người/tháng”
38.	UBND phường Việt Hòa (Công văn số 1698/UBND-TTPVHCC ngày 29/6/2026)	- Điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp thành phố từ 2.000.000 đồng/người/tháng lên 5.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã từ 1.200.000 đồng/người/tháng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ trang phục từ 3.000.000 đồng/người/năm lên 5.000.000 đồng/người/năm để phù hợp với chi phí thực tế và yêu cầu xây dựng hình

			ảnh chuyên nghiệp của đội ngũ công chức trực tiếp phục vụ nhân dân.	
39.		UBND xã Đại Sơn (Công văn số 1711/UBND-TTPVHCC ngày 01/7/2026)	- Đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu bổ sung căn cứ, tiêu chí xác định mức hỗ trợ đối với từng cấp để bảo đảm tính minh bạch, khách quan và tạo sự thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, đề nghị xem xét đầy đủ đặc thù hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, khi nhiều nhiệm vụ và thủ tục hành chính được phân cấp, phân quyền về cấp xã; khối lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tăng lên, yêu cầu về chuyên môn, chuyển đổi số và chất lượng phục vụ ngày càng cao. - Đề nghị nghiên cứu quy định cơ chế rà soát, đánh giá và điều chỉnh mức hỗ trợ khi Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương hoặc khi có sự thay đổi lớn về khối lượng công việc; phạm vi nhiệm vụ hoặc chính sách phân cấp, phân quyền, bảo đảm chính sách hỗ trợ phù hợp với thực tiễn, tạo động lực để đội ngũ công chức, viên chức yên tâm công tác, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.	
40.		UBND phường Lê Ích Mộc (Công văn số 1091/UBND-TTPVHCC ngày 01/7/2026)	Đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết về mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu là 1.200.000 đồng/người/tháng, Ủy ban nhân dân phường đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức hỗ trợ lên 2.000.000 đồng/người/tháng.	
41.		UBND đặc khu Cát Hải (Công văn số 3609/UBND-TTPVHCC ngày 01/7/2026)	Nâng mức hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 1.500.000 đồng/người/tháng.	
42.		UBND phường Phạm Sư Mạnh (Công văn số	- Điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp thành phố từ 2.000.000	

	993/UBND-TTPVHCC ngày 03/7/2026)	đồng/người/tháng lên 5.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã từ 1.200.000 đồng/người/tháng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Điều chỉnh mức hỗ trợ trang phục từ 3.000.000 đồng/người/năm lên 5.000.000 đồng/người/năm để phù hợp với chi phí thực tế và yêu cầu xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp của đội ngũ công chức trực tiếp phục vụ nhân dân.	
43.	UBND xã Thượng Hồng (Công văn số 1116/UBND- TTPVHCC ngày 02/7/2026)	Xem xét hỗ trợ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu bằng với mức hỗ trợ cho công chức viên chức Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố là 2.000.000 đồng/người/tháng và kinh phí may đồng phục là 3.000.000 đồng/người/năm.	
44.	UBND xã Kiến Minh (Công văn số 2392/UBND- TTPVHCC ngày 03/7/2026)	- Về mức chi hỗ trợ hàng tháng đối với Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường tại điểm a, mục 2, Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng. Lý do đề xuất: mức hỗ trợ tương đương với mức hỗ trợ hiện tại của Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh. - Tại điểm b, mục 2, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 5.000.000 đồng/người/năm. Lý do đề xuất: nhằm đảm bảo kinh phí hỗ trợ may đồng phục 02 mùa thu đông và xuân hè cho công chức, viên chức với số lượng 2 bộ xuân hè/năm và 01 bộ thu đông/năm. Thực tế, một bộ Xuân hè giá thị trường dao động tầm 1.300.000 -1.500.000 đ/bộ; một bộ thu đông tầm 3.000.000-3.500.000 đ/bộ.	
45.	UBND xã Gia Lộc (Công văn số 1499/UBND- TTPVHCC ngày 03/7/2026)	Về mức hỗ trợ: Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh tăng mức hỗ trợ (nếu điều kiện ngân sách cho phép) để tạo động lực, khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức yên tâm công tác, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, cải thiện chỉ số cải cách hành chính,	

			chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa.	
46.		UBND phường Nhi Chiểu (Công văn số 1811/UBND -VP ngày 03/7/2026)	- Tại điểm a, mục 2, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh: Mức hỗ trợ hàng tháng: Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 2.000.000 đồng/người/tháng (Lý do đề xuất: mức hỗ trợ tương đương với mức hỗ trợ hiện tại của Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh). - Tại điểm b, mục 2, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 5.000.000 đồng/người/năm (Lý do đề xuất: nhằm đảm bảo đủ kinh phí may đồng phục 02 mùa thu đông và xuân hè cho công chức, viên chức).	
47.		UBND xã Kiến Hải (Công văn số 226/BC-TTPVHCC ngày 24/6/2026)	Đề nghị thành phố nghiên cứu nâng mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã lên từ 1.500.000 đồng đến 1.800.000 đồng/người/tháng, vì các lý do: - Khối lượng hồ sơ phát sinh tại cấp xã ngày càng lớn sau sáp nhập đơn vị hành chính; - Công chức Bộ phận Một cửa thường xuyên làm việc ngoài giờ hành chính để hoàn thành việc số hóa hồ sơ và giải quyết hồ sơ đúng hạn; - Áp lực tiếp xúc trực tiếp với người dân, doanh nghiệp lớn hơn nhiều so với trước đây; - Mức hỗ trợ hiện tại vẫn còn thấp so với yêu cầu công việc và mặt bằng chính sách hỗ trợ của nhiều địa phương trong cả nước.	
48.		UBND xã Lạc Phụng (Công văn số 1654/UBND-TTPVHCC ngày 02/7/2026)	Đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ như sau: - Đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 2.500.000 đồng/người/tháng. - Đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 2.000.000 đồng/người/tháng.	
49.		UBND phường Trần Nhân Tông	- Đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ như sau: Cấp thành phố: từ 2.000.000 đồng lên 5.000.000	

		(Công văn số 1654/UBND- TTPVHCC ngày 02/7/2026)	đồng/người/tháng. Cấp xã, phường: từ 1.200.000 đồng lên 3.000.000 đồng/người/tháng. - Đề nghị nâng mức hỗ trợ trang phục lên 5.000.000 đồng/người/năm, bảo đảm phù hợp thực tế, góp phần xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại.	
50.		UBND phường Nam Đồng (Công văn số 1496/UBND- TTPVHCC ngày 02/7/2026)	- Đề nghị điều chỉnh mức hỗ trợ hàng tháng: Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 2.000.000 đồng/người/tháng (Lý do đề xuất: mức hỗ trợ tương đương với mức hỗ trợ hiện tại của Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ninh). - Đề nghị điều chỉnh Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 4.000.000 đồng/người/năm (Lý do đề xuất: nhằm đảm bảo đủ kinh phí may đồng phục 02 mùa thu đông và xuân hè cho công chức, viên chức).	

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết)

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa các cấp) trên địa bàn tỉnh Hải Dương. 2. Đối tượng áp dụng a) Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, cụ thể: - Công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được cử đến làm việc thường xuyên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và công chức, viên	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp (gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu) trên địa bàn thành phố Hải Phòng Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm: a) Công chức, viên chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố; công chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng thay đổi do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và việc sáp nhập hai địa phương. Tách riêng thành 2 điều để xác định rõ nội dung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết thay thế tăng thêm 01 Điều so với Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
chức của Trung tâm (chỉ áp dụng đối với công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận Một cửa theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ). - Công chức thuộc các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được cử đến làm việc thường xuyên tại Bộ phận Một cửa cấp huyện. - Công chức cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công làm việc thường xuyên tại Bộ phận Một cửa cấp xã. b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.	b) Công chức thuộc biên chế của Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu (cấp xã); công chức thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. c) Viên chức thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	
Điều 2. Điều kiện và chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh 1. Điều kiện hỗ trợ - Công chức được hưởng chính sách hỗ trợ phải có quyết định cử, phân công công tác của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; cơ quan, người có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách.	Điều 3. Điều kiện hỗ trợ và chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố 1. Điều kiện hỗ trợ: a) Đối với công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố: Danh sách công chức, viên chức được hỗ trợ theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành	- Điều kiện hưởng chính sách không thay đổi so với Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND - Chính sách hỗ trợ điều chỉnh tăng để phù hợp với tình hình mức chi thực tế của các địa phương khác có quy mô tương đồng với thành phố Hải Phòng. Với dự kiến mức chi như dự thảo Nghị quyết xây dựng, tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hàng năm trên

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
- Thời hạn làm việc của công chức được cử, phân công đến Bộ phận Một cửa các cấp: tối thiểu từ 06 tháng trở lên. 2. Chính sách hỗ trợ Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp được được hỗ trợ mức cụ thể như sau: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 1.200.000 đồng/người/tháng; - Bộ phận Một cửa cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/tháng; - Bộ phận Một cửa cấp xã: 580.000 đồng/người/tháng. 3. Hỗ trợ hàng tháng bằng tiền và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.	phổ phê duyệt danh sách nhân sự hoặc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. b) Đối với công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: Danh sách công chức, viên chức được hỗ trợ theo Quyết định của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã về việc phê duyệt danh sách nhân sự hoặc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 2. Mức hỗ trợ hàng tháng: a) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 2.000.000 đồng/người/tháng. b) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: 1.200.000 đồng/người/tháng. 3. Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 3.000.000 đồng/người/năm. 4. Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố không dùng để tính	địa bàn thành phố tăng khoảng hơn 6 tỷ so với giai đoạn tỉnh Hải Dương trước sáp nhập thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND. - Việc bổ sung mục chi hỗ trợ về trang phục cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp căn cứ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025); Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố ban hành Bộ tiêu chí, Bảng thang điểm và quy trình xét công nhận "Chính quyền thân thiện" cấp xã trên địa bàn thành phố.

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
	đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.	
Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành. Trong đó kinh phí hỗ trợ công chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được bố trí trong dự toán chi Ngân sách nhà nước hàng năm (kinh phí không tự chủ) của cơ quan, đơn vị cử người. 2. Kinh phí hỗ trợ cho công chức, viên chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc biên chế được giao của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo.	Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn của đơn vị sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	Các nội dung quy định tại Điều 4,5,6 cơ bản giữ nguyên như Nghị quyết số 33/2024/NĐ-CP
Điều 4. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Điều 5. Tổ chức thực hiện. 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
Điều 5. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. 2. Bãi bỏ Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức hỗ trợ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.	Điều 6. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026. 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương (trước sáp nhập).	

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

**Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức
làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**
(Kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết)

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa các cấp) trên địa bàn tỉnh Hải Dương. 2. Đối tượng áp dụng a) Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp, cụ thể: - Công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được cử đến làm việc thường xuyên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và công chức, viên	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp (gồm Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu) trên địa bàn thành phố Hải Phòng Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm: a) Công chức, viên chức thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố; công chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng thay đổi do thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và việc sáp nhập hai địa phương. Tách riêng thành 2 điều để xác định rõ nội dung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết thay thế tăng thêm 01 Điều so với Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
chức của Trung tâm (chỉ áp dụng đối với công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận Một cửa theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ). - Công chức thuộc các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được cử đến làm việc thường xuyên tại Bộ phận Một cửa cấp huyện. - Công chức cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công làm việc thường xuyên tại Bộ phận Một cửa cấp xã. b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.	b) Công chức thuộc biên chế của Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu (cấp xã); công chức thuộc các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. c) Viên chức thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	
Điều 2. Điều kiện và chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh 1. Điều kiện hỗ trợ - Công chức được hưởng chính sách hỗ trợ phải có quyết định cử, phân công công tác của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; cơ quan, người có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách.	Điều 3. Điều kiện hỗ trợ và chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố 1. Điều kiện hỗ trợ: a) Đối với công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố: Danh sách công chức, viên chức được hỗ trợ theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành	- Điều kiện hưởng chính sách không thay đổi so với Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND - Chính sách hỗ trợ điều chỉnh tăng để phù hợp với tình hình mức chi thực tế của các địa phương khác có quy mô tương đồng với thành phố Hải Phòng. Với dự kiến mức chi như dự thảo Nghị quyết xây dựng, tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hàng năm trên

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
- Thời hạn làm việc của công chức được cử, phân công đến Bộ phận Một cửa các cấp: tối thiểu từ 06 tháng trở lên. 2. Chính sách hỗ trợ Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp được được hỗ trợ mức cụ thể như sau: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 1.200.000 đồng/người/tháng; - Bộ phận Một cửa cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/tháng; - Bộ phận Một cửa cấp xã: 580.000 đồng/người/tháng. 3. Hỗ trợ hàng tháng bằng tiền và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.	phổ phê duyệt danh sách nhân sự hoặc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. b) Đối với công chức, viên chức được cử đến làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã: Danh sách công chức, viên chức được hỗ trợ theo Quyết định của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã về việc phê duyệt danh sách nhân sự hoặc thay đổi nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 2. Mức hỗ trợ hàng tháng: a) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 2.000.000 đồng/người/tháng. b) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: 1.200.000 đồng/người/tháng. 3. Hỗ trợ kinh phí may đồng phục: 3.000.000 đồng/người/năm. 4. Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố không dùng để tính	địa bàn thành phố tăng khoảng hơn 6 tỷ so với giai đoạn tỉnh Hải Dương trước sáp nhập thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND. - Việc bổ sung mục chi hỗ trợ về trang phục cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp căn cứ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025); Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố ban hành Bộ tiêu chí, Bảng thang điểm và quy trình xét công nhận "Chính quyền thân thiện" cấp xã trên địa bàn thành phố.

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
	đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.	
Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành. Trong đó kinh phí hỗ trợ công chức được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được bố trí trong dự toán chi Ngân sách nhà nước hàng năm (kinh phí không tự chủ) của cơ quan, đơn vị cử người. 2. Kinh phí hỗ trợ cho công chức, viên chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc biên chế được giao của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo.	Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn của đơn vị sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	Các nội dung quy định tại Điều 4,5,6 cơ bản giữ nguyên như Nghị quyết số 33/2024/NĐ-CP
Điều 4. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Điều 5. Tổ chức thực hiện. 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	

Văn bản được thay thế (Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)	Dự thảo Nghị quyết	THUYẾT MINH
Điều 5. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. 2. Bãi bỏ Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức hỗ trợ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.	Điều 6. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026. 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương (trước sáp nhập).	

Số: 32 /BC-VP

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Tổng kết việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức
làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị
định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra,
rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

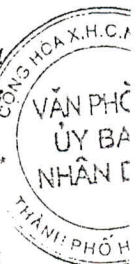
Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên
thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày
09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế
Một cửa, Một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia,

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tổng kết việc thực hiện Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách đặc thù hỗ trợ đối
với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên bàn tỉnh Hải
Dương (trước sáp nhập) đến ngày 10/6/2026 như sau:

**1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-
HĐND ngày 11/12/2024 quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên
chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Hải Dương trước
sáp nhập**

Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Nghị quyết số 33/2024/NQ-
HĐND ngày 11/12/2024 quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức



làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Trong 6 tháng đầu năm 2025, tỉnh Hải Dương đã thực hiện chi trả 100% kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng áp dụng theo quy định của Nghị quyết. Từ ngày 01/7/2025, sau khi hoàn thành việc hợp nhất hai địa phương và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện chính sách chi trả hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đến hết tháng 12/2025 theo nguồn dự toán kinh phí năm 2025 đã cấp cho đơn vị. Trong khi đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và 50 Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hải Phòng (trước sáp nhập) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND.

Thành phố Hải Phòng (trước sáp nhập) chưa tổ chức mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. Hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng các Sở, ban, ngành thành phố theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Thành phố Hải Phòng (trước sáp nhập) chưa xây dựng chính sách đặc thù của địa phương hỗ trợ cho đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn.

Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 277/UBND-NC ngày 10/02/2026 về việc triển khai thực hiện Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác tư pháp năm 2025, trong đó yêu cầu các sở, ban, ngành thành phố chủ động phân bổ hợp lý thời gian trình văn bản, tránh dồn việc vào một thời điểm, ảnh hưởng đến chất lượng văn bản, hoàn thành việc tham mưu, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của thành phố chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026; hoàn thành việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trước sáp nhập và tỉnh Hải Dương trước sáp nhập đã ban hành, áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố trước ngày 01/3/2027. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, trên cơ sở thống nhất của các cơ quan liên quan, ngày 22/4/2026, Sở Tư pháp có Văn bản số 1789/STP-XDVB chính thức chuyển nhiệm vụ theo dõi Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND từ lĩnh vực quản lý của Sở Nội vụ sang lĩnh vực quản lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Do vậy, nội dung Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND đến nay cơ bản không còn phù hợp tình hình thực tiễn của thành phố Hải Phòng (mới) sau khi hợp nhất hai địa phương. Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố về việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật của thành phố, sau khi rà soát, tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, Văn phòng Ủy ban nhân dân

thành phố đã có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết và thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo quy định.

2. Kết quả thực hiện

Sau khi Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến trước ngày 01/7/2025, tỉnh Hải Dương đã thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho 100% đối tượng áp dụng của Nghị quyết (1.854 người), bao gồm: 29 công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 125 công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và 1.700 công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã) với tổng số tiền khoảng 6,8 tỷ đồng.

Giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025, chỉ có 64 xã, phường trên địa bàn tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ của Nghị quyết số 33/NĐ-HĐND cho đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo nguồn ngân sách năm 2025 đã được cấp cho đơn vị.

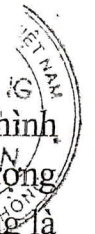
Chính sách hỗ trợ đặc thù đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Bộ phận Một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương trước sáp nhập là giải pháp quan trọng để động viên kịp thời đội ngũ công chức, viên chức yên tâm công tác; nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức, viên chức trong tiếp nhận hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các cơ quan nhà nước.

3. Kiến nghị

Sau khi hoàn thành việc sáp nhập hai địa phương và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, theo thống kê tại thời điểm tháng 5/2026, số lượng người làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng là 1.115 người (giảm 739 người so với thời điểm xây dựng Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND), cụ thể như sau:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: 51 người (39 công chức, 12 viên chức)
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu: 1.064 người (968 công chức, 96 viên chức)

Với dự kiến mức chi như dự thảo Nghị quyết xây dựng, tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hàng năm trên địa bàn thành phố là **19.890.600.000** đồng (tăng khoảng 6,2 tỷ đồng so với giai đoạn tỉnh Hải Dương trước sáp nhập thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND)



Trước yêu cầu về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; cùng với số lượng hồ sơ thủ tục hành chính ngày càng tăng cao đã tạo áp lực rất lớn cho người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau sáp nhập) khi phải thường xuyên làm thêm giờ để phục vụ tổ chức, cá nhân, nhất là lĩnh vực tư pháp, đất đai, đầu tư, xây dựng, chính sách, giao thông vận tải... Bên cạnh đó, các yêu cầu đặt ra của việc thực hiện Chuyển đổi số trong xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền số nên công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa các cấp phải thực hiện ngày càng nhiều thao tác nhập dữ liệu, số hóa hồ sơ và kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của thành phố; tổng hợp, báo cáo số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố và Trung ương.

Ngoài ra, công chức, viên chức làm việc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn thành phố thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với tổ chức, công dân bao gồm rất nhiều đối tượng, thành phần phức tạp khác nhau. Vì vậy, kỹ năng giao tiếp, ứng xử phục vụ việc tiếp đón, hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, công dân đến làm việc cũng là nhiệm vụ quan trọng, góp phần đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với hệ thống các cơ quan nhà nước.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố về xử lý văn bản quy phạm pháp luật đồng thời tiếp tục động viên, nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau sáp nhập), Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, thay thế Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương trước sáp nhập, áp dụng thống nhất trên toàn thành phố Hải Phòng là cần thiết và đảm bảo quy định./. *Đp*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- CVP, PCVP T.V.Thiện;
- TTPVHCC, Phòng HCQT;
- Lưu: VT, P.T.Dương. *TP*

Q. CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Hoàng Long